

SOME SOLUTION RECOMMENDATIONS FOR DEVELOPING OCOP PROGRAM IN TUYEN QUANG PROVINCE

Ha Quang Trung^{1*}, Do Hung Duc², Tran Quang Hanh³, Vu Thi Hien¹

¹TNU - University of Agriculture and Forestry

²Yen Son district, Tuyen Quang province

³TNU - College of Economics and Technology

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	11/4/2023	After 4 years of implementation, the One Commune One Product (OCOP) program in Tuyen Quang province has achieved remarkable achievements. Currently, Tuyen Quang province is ranked the 4th in the northern mountainous region. This study aims to evaluate the results of the OCOP program in the period of 2019-2022, and to determine some shortcomings and causes, as well as to indicate important lessons during the implementation of the OCOP program in Tuyen Quang province. Beside the analysis of secondary data, the primary data were collected from 3 groups involved directly in the program, including program managers, consultants, and OCOP subjects. The survey's content focused on the satisfaction of the subjects with some activities of the OCOP program. The results showed the real situation, achievements, limitations and lessons of OCOP program. The study also proposed 8 solutions to develop the OCOP program in Tuyen Quang province in the future.
Revised:	05/5/2023	
Published:	05/5/2023	
KEYWORDS		
Program		
One Commune One Product		
Recommendation		
Solution		
Tuyen Quang		

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH OCOP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN QUANG

Hà Quang Trung^{1*}, Đỗ Hùng Đức², Trần Quang Hanh³, Vũ Thị Hiền¹

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

²Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

³Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	11/4/2023	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Tuyên Quang sau 4 năm triển khai thực hiện đã đạt được những thành tựu đáng kể, hiện nay tỉnh đang xếp thứ 4 trong khu vực miền núi phía Bắc. Nghiên cứu này nhằm đánh giá khái quát những thành tựu đã đạt được của Chương trình OCOP giai đoạn 2019-2022, rút ra những tồn tại và nguyên nhân, chỉ ra được những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình OCOP tại Tuyên Quang. Cùng với việc phân tích các số liệu thứ cấp, nghiên cứu đã khảo sát 3 nhóm đối tượng trực tiếp tham gia triển khai Chương trình là: cán bộ quản lý Chương trình, các chuyên gia tư vấn và các chủ thể sản phẩm OCOP. Nội dung khảo sát về sự hài lòng của các đối tượng về một số nội dung hoạt động chủ yếu của Chương trình. Nghiên cứu đã khái quát được thực trạng triển khai thực hiện Chương trình OCOP, đánh giá những thành tựu đạt được, chỉ ra các hạn chế và bài học kinh nghiệm trong triển khai Chương trình OCOP, từ đó đề xuất được 8 nhóm khuyến nghị giải pháp nhằm phát triển Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong thời gian tới.
Ngày hoàn thiện:	05/5/2023	
Ngày đăng:	05/5/2023	
TỪ KHÓA		
Chương trình		
Mỗi xã một sản phẩm		
Khuyến nghị		
Giải pháp		
Tuyên Quang		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7720>

* Corresponding author. Email: haquangtrung@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP) được bắt đầu từ năm 1979 ở tỉnh Oita Nhật Bản, phong trào đã nhận được sự hưởng ứng của cộng đồng nông dân, tác động làm thay đổi nhận thức của chính quyền địa phương và lan tỏa trên toàn quốc [1], [2]. Sự thành công của phong trào OVOP ở Nhật Bản đã được nhiều nước trên thế giới học tập và triển khai như là một chính sách, một giải pháp cho phát triển kinh tế cộng đồng ở khu vực nông thôn, điển hình như Chương trình One Tambon One Product – Mỗi làng một sản phẩm (OTOP) ở Thái Lan hay ở Indonesia [3], [4]. Ở Việt Nam, dựa trên kết quả học tập kinh nghiệm của các nước trên thế giới và thí điểm ở Quảng Ninh, ngày 7/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020 [5]. Sau gần 5 năm triển khai Chương trình OCOP trên toàn quốc, kết quả của thực hiện Chương trình đã khẳng định vai trò là một giải pháp quan trọng trong xây dựng nông thôn mới (NTM), góp phần cho sự thành công của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM và chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp.

Tuyên Quang là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, theo số liệu thống kê năm 2021, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích tự nhiên là 586.795 ha, trong đó, đất nông nghiệp là 542.692 ha (chiếm 92,48%). Dân số trung bình của tỉnh là 801.668 người, trong đó, dân số nông thôn là 690.373 người (chiếm 86,12%) [6]. Do đó, vấn đề phát triển kinh tế nông thôn, trong đó có phát triển Chương trình OCOP, thực hiện chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp là tất yếu khách quan và có ý nghĩa rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tuyên Quang. Kết quả thực hiện Chương trình OCOP của tỉnh cho thấy, đến hết năm 2022, tỉnh đã có 191 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng đã bộc lộ và tồn tại nhiều khó khăn, bất cập, cần có những giải pháp phù hợp để phát triển Chương trình. Nhóm tác giả đã nghiên cứu kinh nghiệm triển khai Chương trình OCOP tỉnh Ninh Bình; thực trạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm tiềm năng của Cao Bằng và Hải Dương [7], [8].

Trong thời gian tới, tỉnh Tuyên Quang triển khai Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm [9], [10]. Để phát triển Chương trình OCOP một cách bền vững, đòi hỏi tỉnh Tuyên Quang cần có những giải pháp phù hợp nhằm khai thác hiệu quả lợi thế, nguồn lực sẵn có của địa phương. Nghiên cứu của nhóm tác giả nhằm khái quát được kết quả thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang từ khi triển khai đến nay, từ đó đề xuất một số khuyến nghị giải pháp nhằm phát triển Chương trình trên địa bàn trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Được thu thập từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Sở NN&PTNT và các cơ quan có liên quan, về thông tin Chương trình Mỗi xã một sản phẩm - OCOP từ Trung ương và các địa phương.

Số liệu sơ cấp: Được thu thập trong năm 2022 qua phiếu khảo sát, trong đó tập trung khảo sát các đối tượng là cán bộ quản lý, thực hiện chương trình, chuyên gia tư vấn và các chủ thể có sản phẩm OCOP về những nội dung liên quan đến triển khai Chương trình.

Số lượng khảo sát: (i) Cán bộ quản lý, triển khai: 14 người (mỗi huyện 2 người); (ii) Chuyên gia tư vấn: 7 người (khảo sát toàn bộ); Chủ thể OCOP: 60 chủ thể (tỉ lệ đạt 44,44% tổng số chủ thể).

2.2. Phương pháp xử lý thông tin

Thông tin thu thập từ phiếu khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm Excel.

2.3. Phương pháp phân tích

Bên cạnh các phương pháp phân tích truyền thống trong các nghiên cứu kinh tế xã hội như: Phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, nghiên cứu sử dụng thang đo do Renmmis Likert - 1932 (thang đo 5 bậc) để khảo sát sự đánh giá của cán bộ quản lý chương trình, các chuyên gia tư vấn và các chủ thể có sản phẩm tham gia chương trình OCOP [11]. Phương pháp cho điểm của thang đo Likert 5 bậc, nội dung khảo sát và bước nhảy của thang đo được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Nội dung và phương pháp đánh giá theo thang đo Likert

Điểm	Nội dung đánh giá	Bước nhảy của thang đo
1	Rất không hài lòng/Rất không ảnh hưởng/	1,00-1,80
2	Không hài lòng/Không ảnh hưởng/	1,81-2,60
3	Phân vân/Trung lập/...	2,61-3,40
4	Hài lòng/Ảnh hưởng/.....	3,41-4,20
5	Rất hài lòng/Rất ảnh hưởng/ ...	4,20-5,00

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2022

Sau 4 năm thực hiện Chương trình, toàn tỉnh đã có gần 300 sản phẩm tham gia chương trình và 191 sản phẩm đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 36 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao. Kết quả Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang được thể hiện ở Bảng 2 [12]-[14]:

Bảng 2. Tổng hợp kết quả Chương trình OCOP giai đoạn 2018-2022 tỉnh Tuyên Quang

Địa phương	Số sản phẩm (SP)	Tỉ lệ cấp xã tham gia (%)	Số hợp tác xã (HTX)	Số doanh nghiệp (DN)	Số tổ hợp tác (THT)	Số hộ/cơ sở SXKD (cơ sở)
1. H. Lâm Bình	25	70,00	10	1	2	1
2. H. Na Hang	28	91,67	12	3	1	0
3. H. Chiêm Hóa	26	66,67	18	0	0	2
4. H. Hàm Yên	21	61,11	13	1	0	3
5. H. Yên Sơn	41	75,00	24	2	0	3
6. H. Sơn Dương	33	64,52	22	1	1	4
7. TP. Tuyên Quang	17	53,33	7	3	0	1
Toàn tỉnh	191	68,12	106	11	4	14

(Nguồn: Tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Tuyên Quang các năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Toàn tỉnh có 135 chủ thể có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 106 HTX (chiếm 78,52%); 11 DN (chiếm 8,15%); 4 THT (chiếm 2,96%); và 14 hộ/ cơ sở sản xuất kinh doanh (chiếm 10,37%). Bảng 2 cho thấy các HTX trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã và đang là hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong phát triển các sản phẩm OCOP với 106 chủ thể (chiếm 78,52% trên tổng số chủ thể). Với số lượng có 11 chủ thể tham gia Chương trình OCOP (chiếm 8,52% trên tổng số chủ thể) cũng có thể nói, vai trò của các DN vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng và sự vào cuộc của các DN vẫn còn ở mức rất khiêm tốn.

Chương trình OCOP của tỉnh Tuyên Quang đã nhận được sự ủng hộ của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng. Theo báo cáo kết quả thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang, đến hết năm 2022 đã có 7/7 huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) triển khai và có các sản phẩm được công nhận, tuy nhiên vẫn còn nhiều xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) chưa triển khai và chưa có sản phẩm tham gia. Toàn tỉnh mới có 94/138 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 68,12%, trong đó: (1) Huyện Lâm Bình có 07/10 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 70%; (2) Huyện Na Hang có 11/12 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 91,67%; (3) Huyện Chiêm Hoá có 16/24 đơn vị cấp xã tham gia,

đạt 66,67%; (4) Huyện Hàm Yên có 11/18 đơn vị cấp xã tham gia; đạt 61,11%; (5) Huyện Yên Sơn có 21/28 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 75%; (6) Huyện Sơn Dương có 20/31 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 64,52%; (7) Thành phố Tuyên Quang có 08/15 đơn vị cấp xã tham gia, đạt 53,33% [14]. Với số lượng còn 44 xã chưa có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP trong giai đoạn 2018-2020 và những sản phẩm của các địa phương khác chưa khai thác, cho thấy Tuyên Quang còn rất nhiều tiềm năng để phát triển số lượng sản phẩm OCOP trong thời gian tới.

Tổng hợp kết quả các sản phẩm OCOP theo nhóm sản phẩm (căn cứ các Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 và Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 8/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ [4] - [6]) được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Tổng hợp sản phẩm OCOP tỉnh Tuyên Quang theo nhóm sản phẩm

Nhóm sản phẩm	Số lượng (Sản phẩm)	Tỉ lệ (%)
Nhóm Thực phẩm	172	90,05
Nhóm Đồ uống	11	5,76
Nhóm Thảo dược	4	2,09
Nhóm Lưu niệm - nội thất - trang trí	1	0,52
Nhóm Vải và may mặc	0	0,00
Nhóm Dịch vụ du lịch cộng đồng và điếm du lịch	3	1,57

(Nguồn: Tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Tuyên Quang các năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Có thể thấy là các sản phẩm OCOP tỉnh Tuyên Quang chưa khai thác hết các sản phẩm tiềm năng lợi thế trên địa bàn, đặc biệt là các nhóm sản phẩm như: Thảo dược, Dịch vụ du lịch cộng đồng và điếm du lịch. Trong thời gian tới, tỉnh cần quan tâm hơn nữa đến phát triển các sản phẩm tiềm năng trên địa bàn.

3.2. Đánh giá của các bên tham gia Chương trình OCOP tỉnh tuyên Quang

Trên thực tế hiện nay, cùng với các cơ quan quản lý Nhà nước về Chương trình OCOP, có 3 nhóm đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình đó là: Cán bộ quản lý và triển khai Chương trình, các chủ thể OCOP và các chuyên gia tư vấn. Để có thêm được những nhận xét đánh giá, làm rõ hơn bức tranh về thực hiện Chương trình OCOP, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các nhóm đối tượng bằng thang đo Likeert 5 mức độ. Kết quả khảo sát các đối tượng được trình bày tại Bảng 4, Bảng 5 và Bảng 6.

Bảng 4. Khảo sát cán bộ quản lý, triển khai Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Kết luận
1	Sự quan tâm chỉ đạo của hệ thống chính trị	4,28	Khá hài lòng
2	Nhận thức của cán bộ quản lý các cấp về Chương trình	3,86	Khá hài lòng
3	Các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên	3,71	Khá hài lòng
4	Mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình	3,43	Khá hài lòng
5	Nhận thức của các chủ thể sản phẩm OCOP	3,12	Hài lòng
6	Năng lực của các chuyên gia tư vấn	4,07	Khá hài lòng

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Đánh giá của các cán bộ quản lý, triển khai Chương trình là rất hài lòng (4,28 điểm) về sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị; khá hài lòng (3,86 điểm) về nhận thức của cán bộ quản lý các cấp về Chương trình; khá hài lòng (3,71 điểm) về các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên; khá hài lòng (3,43 điểm) về mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình; hài lòng (3,12 điểm) về nhận thức của các chủ thể sản phẩm OCOP; và cũng khá hài lòng (4,07 điểm) về năng lực của các chuyên gia tư vấn.

Đánh giá của các chuyên gia tư vấn triển khai Chương trình rất hài lòng (4,25 điểm) về sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị; khá hài lòng (3,75 điểm) về nhận thức của cán bộ quản lý các cấp về Chương trình; khá hài lòng (3,50 điểm) về các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên; khá hài lòng (3,50 điểm) về mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình; hài lòng

(3,13 điểm) về nhận thức của các chủ thể sản phẩm OCOP; và cũng hài lòng (3,13 điểm) về năng lực của cán bộ quản lý, triển khai Chương trình.

Bảng 5. Khảo sát chuyên gia tư vấn về triển khai Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Kết luận
1	Sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị	4,25	Rất hài lòng
2	Nhận thức của cán bộ quản lý chương trình	3,75	Khá hài lòng
3	Văn bản hướng dẫn của các cấp	3,50	Khá hài lòng
4	Mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình	3,50	Khá hài lòng
5	Nhận thức của các chủ thể sản phẩm OCOP	3,13	Hài lòng
6	Năng lực của cán bộ quản lý, triển khai Chương trình	3,13	Hài lòng

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Bảng 6. Khảo sát các chủ thể về triển khai Chương trình OCOP tỉnh Tuyên Quang

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Kết luận
1	Sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị	3,75	Khá hài lòng
2	Nhận thức của cán bộ quản lý chương trình	3,17	Hài lòng
3	Văn bản hướng dẫn của các cấp	3,67	Khá hài lòng
4	Mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình	3,43	Khá hài lòng
5	Năng lực của các chuyên gia tư vấn	4,28	Rất hài lòng
6	Năng lực của cán bộ quản lý, triển khai Chương trình	3,13	Hài lòng

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Đánh giá của các chủ thể OCOP khá hài lòng (3,75 điểm) về sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị; hài lòng (3,17 điểm) về nhận thức của cán bộ quản lý các cấp về Chương trình; khá hài lòng (3,67 điểm) về các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên; khá hài lòng (3,43 điểm) về mức hỗ trợ cho công tác triển khai Chương trình; rất hài lòng (4,28 điểm) về năng lực của chuyên gia tư vấn; và cũng hài lòng (3,13 điểm) về năng lực của cán bộ quản lý, triển khai Chương trình.

Kết quả khảo sát 3 đối tượng của Chương trình cho thấy, về cơ bản các đối tượng đều rất hài lòng đối với sự quan tâm và chỉ đạo của hệ thống chính trị, điều đó khẳng định hệ thống chính trị tỉnh Tuyên Quang đã có sự vào cuộc một cách quyết tâm, quyết liệt và đúng hướng, phù hợp với nguyện vọng của người dân. Các văn bản ban hành chỉ đạo, hướng dẫn của Chương trình, mức hỗ trợ của Nhà nước cho các đối tượng tham gia Chương trình, năng lực của chuyên gia tư vấn cũng được đánh giá cao.

3.3. Đánh giá chung Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

3.3.1. Mng trình OCOP trên địa bàn tỉnh

Một là, Chương trình OCOP đã nhận được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Sở, ngành kịp thời tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cho các địa phương, thông qua đó, các địa phương trong tỉnh đã thấy được rõ hơn tiềm năng, thế mạnh của mình để triển khai phù hợp nhằm phát triển sản phẩm OCOP.

Hai là, các sản phẩm OCOP trên địa bàn đã bám sát các yêu cầu, tiêu chuẩn, tiêu chí của Chương trình, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng về sản phẩm đặc sắc, truyền thống, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và chỉ dẫn địa lý.

Ba là, các sản phẩm OCOP trên địa bàn đã khơi dậy và thúc đẩy tiềm năng, lợi thế về sản vật đặc hữu, vùng nguyên liệu, công nghệ và lao động địa phương. Qua đó, các địa phương trong tỉnh đã khai thác và phát huy được lợi thế, cơ hội để phát triển sản phẩm OCOP.

Bốn là, Chương trình OCOP đã góp phần chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất theo hướng tăng quy mô gắn với chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

Một là, Chương trình OCOP là một chương trình kinh tế nông thôn, mục tiêu của Chương trình khơi dậy tiềm năng, lợi thế của các địa phương để phát triển kinh tế nông thôn. Do đó, trong quá trình triển khai, một số địa phương trong tỉnh còn gặp khó khăn trong cách làm.

Hai là, hệ thống các chính sách và cơ chế hỗ trợ của Chương trình từ Trung ương đến địa phương chưa thực sự đồng bộ, thiếu hiệu quả trong hoạt động hỗ trợ dẫn đến sự lúng túng và khó khăn cho các địa phương trong quá trình triển khai.

Ba là, nguồn lực cho triển khai Chương trình còn hạn chế, chủ yếu là lồng ghép với các Chương trình khác, chưa cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ, chưa quan tâm đến phát triển chuỗi giá trị, xây dựng vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến,..., dẫn đến quá trình triển khai ở đơn vị cấp huyện, đặc biệt là đơn vị cấp xã gặp khó khăn.

Bốn là, các chủ thể tham gia vào Chương trình OCOP chưa thực sự chủ động, một số chủ thể vẫn coi việc tham gia Chương trình là theo yêu cầu của địa phương, trong triển khai chu trình OCOP của nhiều chủ thể còn mang nặng tính hình thức (phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch bảo vệ môi trường, câu chuyện sản phẩm...), chưa tạo được sự gắn kết giữa hoạt động nâng cao năng lực của chủ thể về sản xuất, phát triển sản phẩm với mở rộng thị trường.

Năm là, các sản phẩm OCOP mặc dù đã có những thay đổi tích cực về chất lượng, bao bì, nhãn mác, tuy nhiên, nhiều sản phẩm vẫn có những điểm yếu, đặc biệt là việc tuân thủ và áp dụng các quy định hiện hành về quản lý chất lượng, ghi bao bì, nhãn mác, sở hữu trí tuệ,..., theo các quy định của pháp luật. Vấn đề sở hữu trí tuệ chưa được các chủ thể quan tâm đúng mức, nhiều chủ thể chưa hiểu rõ và chưa chủ động đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận...), bảo hộ mẫu mã, bao bì, kiểu dáng công nghiệp.

Sáu là, các chính sách, giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy đối với các chủ thể, sản phẩm OCOP sau khi được đánh giá, phân hạng còn hạn chế (đặc biệt là hoạt động xúc tiến thương mại, quản lý sản phẩm sau khi được công nhận sao).

Bảy là, vai trò của chính quyền cấp xã trong triển khai thực hiện chương trình còn hạn chế do cán bộ ở một số đơn vị cấp xã chưa được tuyên truyền một cách đầy đủ, nhiều cán bộ đơn vị cấp xã chưa hiểu và thậm chí hiểu không đúng về quan điểm, mục tiêu của Chương trình.

3.3.3. Bài học kinh nghiệm

Qua hơn 4 năm triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm - OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, chú trọng công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện chương trình, phải coi Chương trình OCOP là một chương trình phát triển kinh tế quan trọng của cộng đồng. Vì vậy, cần có sự nhận thức đúng đắn về chương trình, có phương pháp tiếp cận với Chương trình một cách tích cực, phù hợp với các quy luật kinh tế và gắn kết với lợi ích của đối tượng tham gia Chương trình. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị trong chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình.

Hai là, tăng cường công tác truyền thông về quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp triển khai của Chương trình để cộng đồng nhận thức đúng về chương trình OCOP. Chương trình OCOP là chương trình kinh tế của cộng đồng, là giải pháp để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của chương trình là: Sản phẩm và tổ chức sản xuất.

Ba là, xây dựng bộ máy chuyên trách và đội ngũ chuyên gia phải thực sự có tâm huyết, có chuyên môn nghiệp vụ và có thực quyền. Phải xây dựng đội ngũ chuyên trách và chuyên gia ổn định, có tâm huyết và năng lực thực sự; Cơ quan chuyên trách giúp việc phải được trao quyền và đóng vai trò chính trong tham mưu điều hành về chương trình và nguồn kinh phí của chương trình OCOP.

Bốn là, triển khai thực hiện chương trình OCOP không thể nóng vội và mắc bệnh thành tích. Kinh nghiệm chỉ ra khi triển khai của các nước trên thế giới và các địa phương ở trong nước. Các kinh nghiệm nên học tập về nguyên tắc chứ không dập khuôn máy móc và cần có điều chỉnh từng bước trong quá trình thực hiện cho phù hợp với thực tiễn ở mỗi địa phương.

Năm là, phải chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các tổ chức là chủ thể các sản phẩm OCOP. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý Chương trình OCOP, đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp, HTX, các chủ hộ sản xuất sản phẩm thông qua việc đào tạo chuyên sâu về kiến thức quản trị kinh doanh, quản lý sản xuất; Đẩy mạnh tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại để cọ sát, nâng cao, mở rộng tư duy, tầm nhìn, có chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn cho doanh nghiệp, HTX.

Sáu là, xác định xúc tiến thương mại là bước then chốt của chu trình. Các hoạt động xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm cần được thực hiện thường xuyên; Tổ chức thường niên Hội chợ OCOP; Triển lãm, hội nghị kết nối cung cầu, hình thành mạng lưới kết nối sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kết hợp với các hoạt động xây dựng, phát triển thương hiệu, tạo lập, phát triển mở rộng thị trường cho các sản phẩm được đánh giá công nhận xếp hạng phát triển bền vững.

3.4. Khuyến nghị giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Để phát triển Chương trình OCOP của tỉnh Tuyên Quang trong thời gian tới, cần đẩy mạnh một số giải pháp như sau:

Một là, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoàn thiện bộ máy: Cần đưa Chương trình OCOP vào nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp để chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; hoàn thiện Bộ máy vận hành Chương trình OCOP ở các cấp từ tỉnh đến đơn vị cấp xã.

Hai là, về tuyên truyền, vận động: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin, đại chúng; tập trung nâng cao nhận thức cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng.

Ba là, về công tác tư vấn cho Chương trình: Tập trung tư vấn nâng cấp và phát triển sản phẩm từ các sản phẩm đã được xếp hạng; tư vấn trực tiếp cho chủ thể sản xuất hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc bằng tem điện tử QR code; Tư vấn cho chủ thể sản xuất các kỹ năng marketing, xúc tiến thương mại (truyền thông và hiện đại); Tư vấn cho HTX xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; Tư vấn cho chủ thể sản xuất áp dụng các giải pháp bảo vệ môi trường; Tổ chức các lớp đào tạo tập huấn cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình OCOP.

Bốn là, về huy động nguồn lực và cơ chế chính sách: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng, từ các ngân sách Nhà nước và tín dụng; Tăng cường triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ phát triển sản xuất.

Năm là, về Khoa học công nghệ và Công nghệ thông tin: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX sản xuất sản phẩm OCOP. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP; Sử dụng “Quy trình xác thực chống hàng giả” vào quản trị doanh nghiệp, minh bạch quá trình hình thành và kết nối cung cầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm OCOP.

Sáu là, về kết nối thương mại và liên kết chuỗi: Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, cử các chủ thể tham gia các hội chợ, hội nghị xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh; Phát triển thương mại điện tử, tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu.

Bảy là, về quản lý chất lượng sản phẩm sau xếp hạng: Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, thống kê, kiểm soát chất lượng sản phẩm OCOP sau đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP.

Tám là, về kiểm tra giám sát và thi đua khen thưởng: Xây dựng quy chế giám sát và thi đua khen thưởng, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng cho các đối tượng tham gia và đặc biệt quan tâm đến các chủ thể của Chương trình OCOP.

4. Kết luận

Chương trình OCOP được triển khai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã thổi một luồng sinh khí mới đến các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp đặc hữu đặc sản của địa phương, thông qua chương trình các sản phẩm đã ngày càng được tiêu chuẩn hóa, chế biến sâu, tham gia

liên kết chuỗi, bao bì, nhãn mác được chú trọng, giá trị sản phẩm được gia tăng. Chương trình đã thực sự trở thành chương trình kinh tế nông thôn, là một giải pháp quan trọng trong xây dựng nông thôn mới và là hạt nhân của việc thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Tiếp nối những thành công của Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn vừa qua, trong thời gian tiếp theo, tỉnh Tuyên Quang cần có những giải pháp vừa có tính căn cơ, vừa có tính đột phá nhằm phát triển Chương trình OCOP đúng hướng và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] K. Iguta, "The problem of the regional revitalization in Asia and One Village One Product-adaptability of Oita model to Asian countries," Insitute of Development Economies (IDE), Chiba, Japan, 2006.
- [2] P. Tanwathana, "Human Development as Social Capital for Community Development: A Chronology Study of Rural Community Development in Oita Prefecture, Japan," *Japanese Studies Journal*, vol. 26, pp. 119-141, 2010.
- [3] K. Kurokawa, "Effectiveness and limitations of the One Village One Product (OVOP) approach as a government-led development policy: Evidence from Thai One Tambon One Product (OTOP)," *Stud. Reg. Sci.*, vol. 39, pp. 977-989, 2009.
- [4] Y. Claymone and W. Jaiborisudhi, "A study on one Village one products (OVOP) in Japan and Thailand as an alternative of community development in Indonesia," *The Intenational Journal of East Asian Studies*, vol. 16, no. 1, pp. 51-62, 2011.
- [5] Vietnam Prime Minister, *Decision No. 490/QĐ-TTg, dated May 7, 2018 of the Prime Minister approving the One Commune One Product program for the period of 2018-2021*, 2018.
- [6] Tuyen Quang Statistics Office, *Statistical Yearbook of Tuyen Quang Province 2021*, Statistics Publishing House, 2022.
- [7] T. B. H. Dang, X. H. Bui, and T. M. Doan, "Situation of some potential products for participation in the clasification of OCOP products in Cao Bang Province," *Journal of Vietnam Agricultural science and technology – Vietnam Academy of Agricultural Sciences*, vol. 01, pp. 138-144, 2020.
- [8] X. H. Bui and Q. T. Ha, "Current situation asseement of some potential products participating in the one commune one produst program in Chiling city, Haiduong province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 17, pp. 58-65, 2021.
- [9] Vietnam Prime Minister, *Decision No. 919/QĐ-TTg, dated August 1, 2022 of Prime Minister on approving the One Commune One Product program for the period of 2021-2025*, 2022.
- [10] Vietnam Prime Minister, *Decision No.148/QĐ-TTg, dated February 24, 2023 of Prime Minister on promulgation of the set of criteria for evaluating and classifying products of One Commune One Product program*, 2022.
- [11] R. Likert, *A Technique for the Measurement of Attitudes*, The Science press, New York, 1932.
- [12] People's Committee of Tuyen Quang province, *Report about the results of the One Commune One Product (OCOP) Program to 2020 in Tuyen Quang province*, 2020.
- [13] People's Committee of Tuyen Quang province, *Report about the results of the One Commune One Product (OCOP) Program to 2021; tasks and solutions for the implementation of the OCOP Program in 2022*, 2021.
- [14] People's Committee of Tuyen Quang province, *Report about the results of the One Commune One Product (OCOP) Program to 2022; tasks and solutions for the implementation of the OCOP Program in 2023*, 2022.